ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 89 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; Thông báo số 274/TB-UBDT ngày 24/02/2025 của Uỷ ban Dân tộc về việc giao một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh về bổ sung chi tiết mục tiêu tại Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (Chương trình) trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Công tác xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện

Năm 2024, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định. Trong năm, tỉnh đã ban hành 09 văn bản về cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện trên địa bàn, trong đó: 02 nghị quyết của HĐND tỉnh, 03 quyết định, 03 kế hoạch của UBND tỉnh, 01 chương trình của Ban Chỉ đạo, 02 chương trình của UBND tỉnh; đến nay tỉnh Lạng Sơn đã đảm bảo hoàn thành 100% các văn bản về cơ chế, chính sách hướng dẫn quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định tại Nghị định số

27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện

Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành cụ thể hóa các chủ trương, định hướng, quy định của Trung ương, của tỉnh thành chương trình, kế hoạch cụ thể. Chỉ đạo thực hiện các chính sách dân tộc gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; các cấp, các ngành đã xây dựng, ban hành các quyết định, kế hoạch để triển khai thực hiện. Chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền trong vùng đồng bào DTTS&MN gắn với các phong trào thi đua của Trung ương, tỉnh phát động,...

Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình được thực hiện thường xuyên, đúng quy định. Năm 2024, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã ban hành các kế hoạch kiểm tra, chương trình công tác. Trong những tháng đầu năm, lãnh đạo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Chỉ đạo rà soát, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Chương trình.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu

a) Kết quả thực hiện mục tiêu: tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS giảm 2,66%, chưa đạt mục tiêu kế hoạch năm của Chương trình đề ra (giảm 3%/năm)[1], tuy nhiên đã vượt mục tiêu trung ương giao tại Quyết định số 934/QĐ-TTg ngày 06/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu mục tiêu nhiệm vụ giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giai đoạn 2022 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2024-2025 giảm 2-2,5%/năm); số xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn là 9 xã[2].

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể: năm 2024 có 98,3% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 87% thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hoá; 99,73% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác; 98,5% đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 75,9% thôn có nhà văn hoá đạt chuẩn; 98,1% trường, lớp học được xây dựng kiên cố; 100% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 64% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề, 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh,...

---

[1] Theo Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024.

[2] Số lượng xã thoát khỏi tình trạng ĐBKK xác định theo tiêu chí xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, thực hiện Chương trình

- Tổng vốn giao, được sử dụng trong năm 2024 là 1.513.678 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 1.448.587 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 714.523 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 743.064 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 56.091 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 33.863 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 22.228 triệu đồng)*. Cụ thể:

+ Vốn giao kế hoạch năm 2024 là 989.096 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 943.391 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 634.471 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 308.920 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 45.705 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 31.741 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 13.964 triệu đồng)*.

+ Vốn năm 2022, 2023 thực hiện kéo dài sang năm 2024 là 524.582 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 514.196 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 80.052 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 434.144 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 10.386 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 2.122 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 8.264 triệu đồng)*.

- Kết quả giải ngân trong năm 2024 *(tính đến ngày 31/01/2025)* là 881.692 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 849.246 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 580.393 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 268.853 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 32.446 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 24.611 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.836 triệu đồng)*. Cụ thể:

+ Vốn năm 2024 là 702.343 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 672.324 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 521.698 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 150.626 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 30.019 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 23.896 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.123 triệu đồng)*.

+ Vốn năm 2022, 2023 kéo dài sang năm 2024 là 179.349 triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 176.922 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 58.965 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 118.227 triệu đồng)*; ngân sách địa phương: 2.427 triệu đồng *(gồm: vốn đầu tư: 714 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 1.713 triệu đồng)*.

PHẦN II
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

Năm 2025, tiếp tục tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả Chương trình, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả và kịp thời giữa các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình đề ra.

Tập trung, ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với vùng đồng bào

DTTS&MN, tập trung địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo để các xã, thôn thoát nghèo bền vững; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cải thiện đời sống của Nhân dân, phát triển toàn diện giáo dục và đào tạo, quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội về công tác dân tộc. Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng, củng cố thế trận lòng dân và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của tỉnh trong thời kỳ mới, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2025

Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN giảm 2% so với năm 2024.

Phấn đấu 27 xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; 315 thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn[3]; đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn giao.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 69,41 triệu đồng/người/năm.

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%, tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 90%.

Phát triển thêm 16 trường học đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu 100% các trường, lớp học được xây dựng kiên cố; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học.

Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác đạt từ 99,8% trở lên.

Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%.

Duy trì tỷ lệ đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh đạt 100%.

Duy trì tỷ lệ 100% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã *(11,5 bác sĩ và 34 giường bệnh nhân /01 vạn dân)*; trên 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Duy trì trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 15%.

Tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số đạt 65%.

Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn đạt 80%, 53% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Giải quyết cơ bản công tác định canh định cư, ngăn chặn hiệu quả tình

[3] Số xã, thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 26/9/2024 của UBND tỉnh.

trạng suy thoái môi trường; rác thải sinh hoạt của người dân khu vực nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

3. Chỉ tiêu cụ thể

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Thực hiện hỗ trợ đất ở cho 04 hộ, hỗ trợ nhà ở cho 217 hộ, hỗ trợ đất sản xuất cho 05 hộ, đầu tư 19 công trình nước sinh hoạt tập trung *(12 công trình chuyển tiếp, 07 công trình khởi công mới)*, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 224 hộ, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 290 hộ.

(Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Thực hiện hỗ trợ các dự án bố trí ổn định dân cư *(đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu đối với vùng bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tập trung, hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, hỗ trợ cộng đồng bố trí dân xen ghép)*. Tiếp tục đầu tư 06 dự án *(trong đó 02 dự án tại huyện Tràng Định, 02 dự án tại huyện Chi Lăng, 01 dự án tại huyện Bình Gia, 01 dự án tại huyện Lộc Bình)*.

(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân:

Thực hiện 04 nội dung: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ 8.703,44 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình 36.717,07 ha; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có rừng trồng bổ sung 1.085 ha; hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ 1.535 ha.

(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi:

- Nội dung số 01 *(hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị)*: hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, các doanh nghiệp thuộc địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi được tạo việc làm nâng cao thu nhập; được hỗ trợ tập huấn kiến thức chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp.

- Nội dung số 03 *(thúc đẩy khởi sự kinh doanh khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi)*: hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp,

khởi sự kinh doanh; tổ chức biểu dương những điển hình tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công; tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư; tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào DTTS và miền núi, ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:

Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn, bản; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà sinh hoạt cộng đồng; trường, lớp học đạt chuẩn; các công trình thủy lợi nhỏ; các công trình hạ tầng quy mô nhỏ khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán để phục vụ nhu cầu của cộng đồng, phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật; ưu tiên công trình có nhiều hộ nghèo, phụ nữ hưởng lợi.

Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình trạm y tế xã; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn; đầu tư cứng hóa mới 122,99 km đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa. Đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm kết nối các xã đặc biệt khó khăn trên cùng địa bàn, cụ thể: 183 công trình giao thông *(chuyển tiếp 97 công trình, khởi công mới 86 công trình)*; 42 công trình trường học *(chuyển tiếp 30 công trình, khởi công mới 12 công trình)*; 47 công trình văn hóa *(chuyển tiếp 22 công trình, khởi công mới 25 công trình)*; 01 công trình điện chuyển tiếp; 05 công trình y tế *(chuyển tiếp 03 công trình, khởi công mới 02 công trình)*; 06 công trình thủy lợi chuyển tiếp. Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước.

- Nội dung số 02: đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi:

Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS và miền núi. Thực hiện 02 công trình chợ xây mới *(01 công trình chuyển tiếp: Chợ Hữu Lân, xã Hữu Lân, huyện Lộc Bình; 01 công trình khởi công mới: chợ Hữu Liên, xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng);* cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 01 công trình chợ Pác Khuông, xã Thiện Thuật, huyện Bình Gia.

(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo).

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học

sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS và miền núi:

Nâng cấp, cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất 14 phòng công vụ giáo viên; 74 phòng ở cho học sinh; 07 phòng quản lý cho học sinh; 18 nhà ăn + nhà bếp; 18 nhà kho chứa lương thực; 10 công trình vệ sinh, nước sạch; 29 nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa; 57 phòng học thông thường và phòng học bộ môn; 15 công trình phụ trợ khác; tiếp tục đầu tư xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT Văn Quan; đầu tư xây dựng mới 03 trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT *(huyện Hữu Lũng, huyện Lộc Bình, huyện Văn Lãng)*; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có học sinh bán trú.

Tổ chức 87 lớp học xóa mù chữ; mua sắm 31 trang thiết bị phục vụ công tác xóa mù chữ cho 02 đơn vị; đẩy mạnh công tác truyền thông qua các hình thức đa dạng, phong phú; tổ chức hội thi tuyên truyền viên giỏi về công tác xóa mù chữ; cấp phát tài liệu hướng dẫn dạy học xóa mù chữ; cấp phát sách giáo khoa, văn phòng phẩm, hỗ trợ kinh phí tham gia học tập cho 1.549 người.

(Chi tiết tại Biểu 06 kèm theo).

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi:

- Nội dung số 01 *(bồi dưỡng kiến thức dân tộc):* mở các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4 hưởng lương từ ngân sách nhà nước và nhóm đối tượng 4 không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc. Bồi dưỡng tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Nội dung số 02 *(đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi)*: đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học cho đối tượng là người DTTS nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi.

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và miền núi:

Hỗ trợ đào tạo nghề cho 2.635 người DTTS (76 lớp), hỗ trợ trên 50 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy nghề; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học; hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho người học; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp,

khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp:

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, cộng đồng tham gia thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; ưu tiên các nội dung giới thiệu về cách tiếp cận, phương pháp và các mô hình giảm nghèo thành công; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình; tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp; thực hiện các hoạt động để nâng cao nhận thức và năng lực của các cơ quan tổ chức chủ trì, liên quan tham gia để phối hợp hiệu quả, huy động nguồn lực tổng hợp cho Chương trình.

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

Tổ chức bảo tồn, phát huy 01 lễ hội truyền thống tiêu biểu các DTTS, hỗ trợ 11 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS. Tổ chức 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể. Hỗ trợ 01 chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một; xây dựng 01 mô hình văn hóa truyền thống các DTTS; xây dựng 12 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng di dân tái định cư; hỗ trợ hoạt động cho 129 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Tổ chức 03 hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS. Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; 01 chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch tại các vùng đồng bào DTTS và miền núi kết hợp với nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng cho các vùng đồng bào DTTS và miền núi. Hỗ trợ đầu tư bảo tồn 03 làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS; hỗ trợ xây dựng 08 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS; hỗ trợ tu bổ, tôn tạo 01 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS; hỗ trợ chống xuống cấp 04 di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS. Hỗ trợ đầu tư xây mới, cải tạo 28 thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi; hỗ trợ đầu tư trang thiết bị tại 37 thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

(Chi tiết tại Biểu 07 kèm theo).

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi: đầu

tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho các trung tâm y tế huyện, đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn; hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã; đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã; hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản; hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoại trạm.

Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi: phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS và miền núi; đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh; ổn định và phát triển dân số tại vùng đồng bào DTTS và miền núi, khu vực biên giới; nâng cao năng lực quản lý dân số; phòng chống bệnh Thalassemia *(bệnh tan máu bẩm sinh, bệnh thiếu máu do tan máu,...)* tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS: chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ, trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS; chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em; tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em.

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Tiếp tục duy trì hoạt động của 639 "Tổ truyền thông cộng đồng" và thành lập mới 12 tổ; hỗ trợ 21 mô hình tổ/nhóm sinh kế có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ *(tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã)* ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ DTTS. Thành lập mới 04 câu lạc bộ và duy trì 121 câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi"; tổ chức tập huấn, giao lưu liên hoan "Rung chuông vàng" kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, ứng phó bạo lực trên cơ sở giới cho các câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi" và học sinh tại tỉnh và các xã vùng III; tập huấn nâng cao năng lực cung cấp kiến thức, kỹ năng sống cho dẫn trình viên, ban chủ nhiệm và các thành viên câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi" và giao lưu liên hoan các Thủ lĩnh thuộc câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi" giỏi toàn tỉnh năm 2025; hỗ trợ tổ chức hội thi, diễn đàn trẻ em tại các xã đặc biệt khó khăn có câu lạc bộ "Thủ lĩnh của sự thay đổi"; thành lập mới 11 "Địa chỉ tin cậy".

Tổ chức 131 cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn, bản; 06 lớp tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới theo Chương trình 2 cho cán bộ huyện, xã; 09 lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về bình đẳng giới và kỹ năng lãnh đạo quản lý cho nữ ứng cử viên đại biểu HĐND tiềm năng cấp huyện, xã; đại biểu lãnh đạo, cán bộ phụ trách về các chuyên đề bình đẳng giới; cán bộ nữ DTTS cấp cơ sở *(cán bộ quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, cán bộ nữ bổ nhiệm,...)*; 31 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ thôn, bản, người có uy tín trong cộng đồng theo Chương trình 3. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, công tác giám sát và đánh giá về bình đẳng giới, kỹ năng lồng

ghép giới cho cán bộ xã, thôn, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo,...

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1: thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế đối với các hộ DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù:

Tiểu dự án này đã tạm thời dừng triển khai thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Dân tộc *(nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo)* tại Công văn số 1017/UBDT-DTTS ngày 21/6/2023 về việc thực hiện Tiểu Dự án 1 Dự án 9. Sau khi có hướng dẫn của Bộ Dân tộc và Tôn giáo sẽ tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện.

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi:

Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, dinh dưỡng, phát triển thể chất có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân nhằm giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng DTTS. Duy trì các mô hình điểm, triển khai nhân rộng các mô hình phù hợp nhằm thay đổi hành vi, khả năng tiếp cận thông tin và huy động sự tham gia của cộng đồng thực hiện ngăn ngừa, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi. Tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật liên quan về Luật Hôn nhân và gia đình. Hỗ trợ, cung cấp tài liệu, sản phẩm truyền thông liên quan về hôn nhân và gia đình cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện truyền thông và ngăn ngừa tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống ở vùng DTTS. Tổ chức thăm quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia thực hiện Đề án.

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030

- Nội dung số 01: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, vận động, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng lực lượng cốt cán và người có uy tín phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tổ chức các hoạt động biểu dương, tôn vinh, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp tài liệu, thông tin, gặp mặt, tọa đàm, hoạt động giao lưu, học hỏi kinh

nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp nhận thông tin, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao; có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến. Tổ chức hoạt động biểu dương, tôn vinh, vinh danh và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS và miền núi; tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS:

Phổ biến nội dung hiến pháp, các luật, văn bản quy phạm pháp luật, chính sách dân tộc có liên quan đến vùng đồng bào DTTS và miền núi; nội dung chính sách pháp luật về: hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động, y tế, giáo dục, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, an toàn thực phẩm, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, hỗ trợ khởi nghiệp; các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các văn bản chính sách về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và các văn bản chính sách có liên quan đến vùng DTTS&MN.

Tuyên truyền chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc, đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước; gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến trong chấp hành và thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc; tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình", lợi dụng vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền, truyền đạo trái pháp luật để chống phá Đảng, Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc; phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực phản động; nâng cao nhận thức về chủ quyền, an ninh biên giới; các nội dung khác có liên quan đến dân tộc và chính sách dân tộc.

Sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền bằng hình thức đa dạng như: Media, Video clip 2D, Radio, Infographic, Emagazine, Audio spot,... bằng tiếng việt, tiếng DTTS, ngôn ngữ nước ngoài phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền và thông tin đối ngoại.

- Nội dung số 03: tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS&MN: nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS&MN; xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS phủ sóng các tỉnh vùng đồng bào DTTS&MN; tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào DTTS&MN: khảo sát, thực hiện các hội nghị chuyên đề điểm cung cấp thông tin, kết nối cộng đồng về trợ giúp pháp lý cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, cán bộ thuộc các cơ quan có liên quan, già làng, trưởng bản,

người có uy tín trong cộng đồng,… tại vùng đồng bào DTTS&MN; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS: biên soạn, in ấn, phát hành tờ gấp trợ giúp pháp lý, sách bỏ túi trợ giúp pháp lý, cẩm nang pháp luật trợ giúp pháp lý, sổ tay trợ giúp pháp lý và các ấn phẩm tài liệu trợ giúp pháp lý khác cho đồng bào DTTS&MN.

b) Tiểu dự án 2: ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN:

Tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng mới phòng họp trực tuyến Sở Dân tộc và Tôn giáo; hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào DTTS&MN; dự án chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

c) Tiểu dự án 3: kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện theo lĩnh vực chuyên môn ngành được giao phụ trách; tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng; tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình, kết hợp tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình.

II. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển *(theo Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 của UBND tỉnh)* là **541.986** triệu đồng, trong đó: ngân sách trung ương: 516.161 triệu đồng, ngân sách địa phương: 25.825 triệu đồng *(ngân sách tỉnh 468 triệu đồng, ngân sách huyện 25.357 triệu đồng)* và nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang sử dụng trong năm 2025.

b) Nguồn vốn sự nghiệp được giao trong năm 2025, nguồn vốn kéo dài từ các năm trước chuyển sang sử dụng trong năm 2025 và các nguồn xã hội hóa khác huy động theo quy định.

2. Cơ chế đặc thù đối với các dự án đầu tư thuộc Chương trình

Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù tối thiểu là 20% tổng số lượng dự án đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn *(theo quy định tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 21/11/2022 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn)*.

(Chi tiết tại Biểu 08 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết

luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội gắn với thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2030 và các văn bản liên quan khác của tỉnh về công tác dân tộc; Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng DTTS&MN, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên cho các địa bàn còn hạn chế về cơ sở hạ tầng thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Cấp huyện, cấp xã chủ động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh với trọng tâm là các lĩnh vực: giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái,... Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.

6. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, thực hiện đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được phê duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào DTTS&MN để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy vai trò hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt việc triển khai các chương trình cho vay các đối tượng chính sách, đặc biệt là các chính sách vay vốn cho hộ DTTS là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo,… nhằm góp phần hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế, ổn định đời sống.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành; phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi vi phạm theo quy định.

11. Đối với các huyện có chỉ tiêu, tiêu chí xã, thôn dự kiến phấn đấu thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn cần tập trung huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, quyết liệt chỉ đạo, thường xuyên giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Là đầu mối thống nhất theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế sau khi tổ chức xong việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, bỏ cấp huyện.

c) Tiến hành sơ kết, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương và cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho Chương trình đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và nghị quyết của HĐND tỉnh.

b) Tổ chức thực hiện việc giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 80 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

c) Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất, thực hiện nhập hệ thống giám sát, đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Tài chính.

3. Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

a) Theo phân công tại Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 và Công văn số 1978/UBND-KT ngày 22/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, trong đó cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thuận lợi trong kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; hoàn thành **trong tháng 3/2025** và gửi về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp.

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung tại Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra; đề xuất giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu các dự án, tiểu dự án do cơ quan, đơn vị phụ trách. Hướng dẫn cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, đột xuất theo quy định. Lồng ghép dự án phát triển của ngành, các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả.

4. Kho bạc Nhà nước khu vực VI

a) Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đúng quy định cho các dự án khi có đầy đủ hồ sơ, điều kiện thanh toán theo quy định; hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư về thủ tục thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

b) Định kỳ hằng tháng, quý, năm tổng hợp kết quả giải ngân vốn Chương trình, báo cáo UBND tỉnh qua Sở Tài chính, Sở Dân tộc và Tôn giáo.

5. Báo Lạng Sơn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung đối với vùng biên giới, vùng An toàn khu, vùng đặc biệt khó khăn; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện kế hoạch; kịp thời tuyên truyền về những tấm gương điển hình người tốt, việc tốt, các mô hình phát triển kinh tế - xã hội tiêu biểu trong đồng bào DTTS và những tấm gương điển hình về thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thành phố

a) Khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, trong đó cần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, thuận lợi trong kiểm tra, giám sát,

đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện; hoàn thành **trong tháng 3/2025** và gửi về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp. Theo dõi, hướng dẫn và triển khai thực hiện các chính sách, đề án, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

b) Tổ chức huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn với các nhiệm vụ của Kế hoạch này để triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

7. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động đoàn viên, hội viên, quần chúng Nhân dân và các nguồn lực xã hội tích cực tham gia thực hiện Chương trình. Tổ chức thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội theo quy định.

8. Chế độ thông tin báo cáo

Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh thông qua Sở Dân tộc và Tôn giáo để theo dõi, quản lý và tổng hợp báo cáo. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày **15/12/2025.**

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, KTTH(LC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đoàn Thanh Sơn